TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 1 - THANH HOÁ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2026/HS-ST
Ngày: 05-02-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Liên
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Tuyên
Bà Mai Thị Tiếp
- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Tố Quyên - Thư ký TAND khu vực 1-Thanh Hóa
- Đại diên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Thanh Hóa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 98/2025/HS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2025. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2026/QĐXXST - HS ngày 22 tháng 01 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Bùi Ngọc T - Sinh năm 1992; Nơi cư trú: Thôn HT 1, xã HC, tỉnh Thanh Hóa; Số căn cước công dân: 038092000xx; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Không rõ và bà Bùi Thị D (đã chết); vợ: Cao Thị H1 và 01 con sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ: 22/8/2025; tạm giam: 28/8/2025. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Đức H – Sinh năm: 1991; Nơi cư trú: Số nhà 21 T, phường H, tỉnh Thanh Hóa; Số căn cước công dân: 038091xx; nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Hòa B và bà Nguyễn Thị C; vợ: Trần Thị Khánh L và có 01 con sinh năm 2015; tiền án: Ngày 24/7/2023 bị Tòa án nhân dân TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 15 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo bản án số 278/2023/HS-ST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/5/2024; tiền sự: không; tạm giữ: 22/8/2025; tạm giam: 28/8/2025. Hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực Hà Trung – Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Thị Lan A – Sinh năm: 1990; Nơi cư trú: Số nhà 08 P, phường H, tỉnh Thanh Hóa; Số căn cước công dân: 03819000xx; nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn

hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T1; chồng: Nguyễn Giang N (đã ly hôn) và có 03 con lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ: 22/8/2025; tạm giam: 28/8/2025. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Lê Văn H2 – Sinh năm: 1989; Nơi cư trú: Phố H4, phường Q, tỉnh Thanh Hóa; Số căn cước công dân: 0380890xx; nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn D1 và bà Nguyễn Thị S; vợ, con: chưa; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 27/5/2008 bị Công an TP. Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Trộm cắp tài sản"; Ngày 29/12/2011 bị TAND huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 10 năm tù về tội "Cướp tài sản" theo bản án số 58/2011/HSST, chấp hành xong án phạt tù ngày 14/9/2019, chấp hành xong án phí ngày 12/11/2012; tạm giữ: 22/8/2025; tạm giam: 28/8/2025. Hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực Hà Trung - Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 13 giờ 30 ngày 21/8/2025, Tổ công tác Công an phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa tiến hành kiểm tra Phòng 302 Nhà nghỉ Đại Lộc 1 địa chỉ 16/54 Trần Thủ Độ, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa. Tại thời điểm kiểm tra trong phòng có Bùi Ngọc T, và Lê Đức H. Quá trình kiểm tra tổ công tác phát hiện và thu giữ tại bàn uống nước trong phòng có 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy tổng hợp dạng đá gồm: 01 chai nhựa, có nắp màu trắng, trên nắp chai có gắn 01 ống thủy tinh màu trắng, đầu ống hình tròn và một ống hút nhựa màu tím; 05 bật lửa; 01 ống hút nhựa màu trắng. T và H khai nhận đây là dụng cụ mà T, H và Nguyễn Thị Lan A dùng để sử dụng ma túy trước đó. Bùi Ngọc T tự giác giao nộp cho Tổ công tác 01 ống nhựa bẹp màu trắng, kích thước khoảng (3x1) cm bên trong có chứa các hạt tinh thể màu trắng và khai nhận đây là ma túy đá của Tuấn cất giấu để sử dụng; Nguyễn Thị Lan A giao nộp nhựa bẹp có chứa ma túy đá mà Bùi Ngọc T cho Nguyễn Thị Lan A.

Bùi Ngọc T, Lê Văn H2, Lê Đức H và Nguyễn Thị Lan A đã đầu thú và giao nộp điện thoại di động.

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Văn H2 và Bùi Ngọc T nhưng không thu giữ được gì.

Tại Cơ quan điều tra các bị can khai nhận, cụ thể:

1. Về hành vi "Mua bán trái phép chất ma túy": Để có ma túy sử dụng và bán kiếm lời nên chiều ngày 19/8/2025, Lê Văn H2 liên hệ qua Telegram với một tài khoản telegram "Ok" xưng tên là Lộc nhà ở huyện Cẩm Thủy cũ, tỉnh Thanh Hóa hỏi mua 3.000.000 đồng ma túy đá. Lộc đồng ý bán và thỏa thuận, thống nhất với H2 sẽ giao dịch mua bán ma túy tại khu vực nghĩa trang Hà Dương, phố Hưng Phúc, phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa và thanh toán

bằng tiền mặt. Tối cùng ngày, H2 một mình đến khu vực như đã thỏa thuận với Lộc, tại đây, H2 thấy có một nam thanh niên đi xe máy không gắn biển kiểm soát đến gặp H2, người này đưa cho H2 01 gói ma túy đá bọc trong túi nilong và H2 đưa cho người này số tiền 3.000.000 đồng. Nhận được ma túy đá, H2 đã lấy một ít ra sử dụng một mình ngay tại khu vực nghĩa địa Hà Dương. Sau khi sử dụng xong thì H2 mang số ma túy đá còn lại về phòng trọ của mình. H2 lấy một ít ma túy đá cất giấu để sử dụng cho bản thân, còn lại H2 chia làm 02 gói đựng trong 02 đoạn ống nhựa (dạng ống hút) và bỏ vào trong một túi nilong với mục đích khi có khách hỏi mua thì sẽ bán kiếm lời. Đến tối ngày 19/8/2025, Bùi Ngọc T gọi điện cho H2 hỏi mua 1.500.000 đồng ma túy đá để sử dụng. H2 đồng ý, T chuyển 1.000.000 đồng vào tài khoản cho H2 còn nợ lại 500.000 đồng. Sau khi nhận được tiền H2 lấy 01 gói ma túy đá mang ra đặt dưới đất đoạn đường Dã Tượng, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa rồi T đến vị trí trên lấy ma túy.

2. Về hành vi "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy": Sáng ngày 21/8/2025, Bùi Ngọc T gọi điện thoại cho Nguyễn Thị Lan A rủ đến nhà nghỉ Đại Lộc 1, đường Trần Thủ Độ, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa để sử dụng ma túy thì Lan A đồng ý. Bùi Ngọc T lấy chiếc cóng thủy tinh cùng 02 đoạn ống nhựa chứa ma túy đá (mua từ trước của Lê Văn H2) vào trong thuốc lá và cất trong túi quần rồi một mình đến thuê phòng 302 nhà nghỉ Đại Lộc 1, đường Trần Thủ Độ, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa. Tại đây, T cất giấu vỏ bao thuốc lá bên trong có cóng thủy tinh chứa ma túy đá và 02 đoạn ống nhựa chứa ma túy đá ở ô thoáng cửa nhà vệ sinh rồi Tuấn gọi telegram cho Lan A, báo số phòng và ngồi đợi. Sau khi được Bùi Ngọc T rủ đi sử dụng ma túy thì Nguyễn Thị Lan A rủ Lê Đức H cùng đi sử dụng ma túy thì H đồng ý. Nguyễn Thị Lan A và và Lê Đức H đến thuê phòng 601 nhà nghỉ Đại Lộc 1, đường Trần Thủ Độ, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi nhận phòng nghỉ Lan A nói với H để Lan A xuống phòng 302 trước, thì H nói Lan A là có phải mang bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá xuống không (vì H có sẵn bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá đang cất giấu trong túi xách của Lan A), Lan A nói với H không phải mang gì xuống phòng 302 vì nghĩ T đã chuẩn bị đầy đủ hết. Do H đang bận việc cá nhân nên Lan A nói H xuống phòng 302 sau. Lan A một mình xuống phòng 302 gặp T, nói với T "lát có thằng em đến chơi ma túy cùng" thì T đồng ý. Lúc sau, H cầm theo túi xách của Lan A xuống phòng 302. T vào trong nhà vệ sinh lấy 01 đoạn ống nhựa chứa ma túy đá trong bao thuốc lá để ra ngoài ô thoáng cửa sổ nhà vệ sinh rồi cầm vỏ bao thuốc lá bên trong có chiếc cóng thủy tinh và 01 đoạn ống nhựa chứa ma túy đá mang ra phòng ngoài để sử dụng cùng Lan A và H. T thấy H lấy cóng thủy tinh, nắp chai nhựa có gắn ống hút ở trong túi xách mà H mang theo ra, lắp để làm dụng cụ sử dụng ma túy thì Tuấn lấy chiếc cóng thủy tinh trong bao thuốc lá đưa cho H và nói H lắp chiếc cóng thủy tinh của mình vào chai vì trong cóng đã có ma túy đá. H cầm cóng thủy tinh lắp vào nắp chai nhựa trong bộ dụng cụ của H lấy trong túi xách ra nhưng lắp không vừa nên T lấy nắp chai từ chai nước ở trong phòng rồi đục làm 2 lỗ trên nắp. Tuấn cầm cóng thủy tinh gắn vào 01 lỗ trên nắp chai rồi đưa cho H. H cầm và lấy chiếc

ống hút trong nắp chai từ bộ dụng cụ của H lắp vào trong nắp chai có gắn cóng thủy tinh mà T đưa rồi lắp vào trong chai nước trên bàn làm thành bộ dụng cụ sử dụng ma túy. Chuẩn bị dụng cụ xong, H để lên bàn. T cầm bật lửa ở trên bàn và đốt ma túy đá trong cóng thủy tinh rồi đưa cho H, H cầm ống hút sử dụng (hút). H sử dụng xong thì đưa ống hút cho Lan A, T châm lửa đốt ma túy đá trong cóng cho Lan A sử dụng (hút) và sau đó, T tự đốt ma túy và cầm ống hút sử dụng. Lúc sau, H và Lan A tự châm lửa đốt ma túy đá sử dụng. Sử dụng ma túy xong thì Lan A có hỏi Tuấn còn ma túy không cho Lan A xin một ít để lúc khác sử dụng. T lấy đoạn ống nhựa chứa ma túy đá trong bao thuốc lá đưa cho Lan A cầm và đi lên phòng 601 ngủ. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, khi Tuấn và Huy đang ở trong phòng 302 thì Tổ công tác Công an phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa vào kiểm tra, phát hiện và thu giữ bộ dụng cụ mà T, H và Lan A dùng để sử dụng ma túy đá trước đó.

- Kết luận giám định số 3137/KL-KTHS ngày 26/8/2025 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Tìm thấy chất ma túy Methamphetamine trong mẫu nước tiểu thu giữ của Bùi Ngọc T, Lê Đức H và Nguyễn Thị Lan A.

- Kết luận giám định số 3167/KL-KTHS ngày 27/8/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

+ Các hạt tinh thể màu trắng của phong bì niêm phong ký hiệu M1 (thu giữ của Bùi Ngọc T) gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine có tổng khối lượng 0,276 gam.

+ Các hạt tinh thể màu trắng của phong bì niêm phong ký hiệu M2 (thu giữ của Nguyễn Thị Lan A) gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine có tổng khối lượng 0,446 gam.

- Kết quả xét nghiệm ma túy đối với Lê Văn H2 dương tính với ma túy loại Methamphetamine và MDMA.

Về vật chứng thu giữ, xử lý: Chuyển Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 Thanh Hóa chờ xử lý theo quy định:

+ 01 (một) chai nhựa màu trắng, có nắp màu trắng, trên nắp chai có 02 (hai) lỗ nhỏ, trong đó có 01 lỗ gắn 01 ống hút nhựa màu tím và lỗ còn lại gắn 01 ống thủy tinh màu trắng đầu ống có hình tròn; 01 (một) ống hút nhựa màu tím; 05 (năm) chiếc bật lửa kích thước khoảng (6x1,5)cm được niêm phong trong một hộp bìa cát tông màu đỏ, đen, trắng. Bên ngoài vỏ hộp có hình vẽ và chữ nước ngoài không rõ nội dung có kích thước (2x9x12)cm, dán kín. Tại các mép có dán giấy niêm phong có chữ ký, chữ viết của các thành phần tham gia và các thành phần tham gia và các hình dầu của Công an phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa và 01 ống hút nhựa màu trắng.

- 01 điện thoại nhãn hiệu Tecno K15n; số imei 354984264191682 gắn sim số 0985885190 thu giữ của Lê Văn H2; 01 (một) điện thoại iphone 12 Pro Max; màu trắng, số imei 353247432949600 thu giữ của Bùi Ngọc T và 01 điện thoại iphone 8, màu đen, số imei 354889090651678 thu giữ của Nguyễn Thị Lan A.

- 01 điện thoại Oppo A31; số imei 1: 868788041227654; số imei 2:868788041227647 thu giữ của Lê Đức H và số ma túy còn lại sau giám định

được bỏ vào phong bì đóng dấu niêm phong của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa.

Quá trình điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội, phù hợp với tài liệu chứng cứ mà cơ quan điều tra đã thu thập được.

Cáo trạng số 83/CT-VKSKV1 ngày 31/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Thanh Hóa truy tố các bị cáo Bùi Ngọc T về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS và tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS; Lê Đức H về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS; Nguyễn Thị Lan A về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 255 BLHS và tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS; Lê Văn H2 về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại Khoản 1 Điều 251 BLHS.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đã làm rõ các căn cứ phạm tội, trách nhiệm hình sự (THNS) của từng bị cáo, trong phần luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Điểm b Khoản 2 Điều 255, khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của BLHS. Đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Ngọc T từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" và 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/8/2025.

- Khoản 1 Điều 255, khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của BLHS. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Lan A từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" và 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/8/2025.

- Điểm b Khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của BLHS. Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Đức H từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/8/2025.

- Khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 của BLHS. Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn H2 từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/8/2025.

Về vật chứng: áp dụng Điều 47 của BLHS; Điều 106; Điều 136 của BLTTHS; Tịch thu sung quỹ nhà nước 03 điện thoại của các bị cáo T, Lan A, H2; Trả lại điện thoại cho bị cáo H; Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định và dụng cụ sử dụng ma túy; Truy thu để tịch thu sung quỹ nhà nước từ bị cáo H2 số tiền 1.000.000đ bán ma túy cho T; Truy thu để tịch thu sung quỹ nhà nước từ bị cáo Tuấn số tiền 500.000đ mua ma túy chưa trả cho Hưng.

Về án phí: điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Thanh Hóa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, tại phiên tòa người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại gì, Hội đồng xét xử tiến hành theo thủ tục chung.

[2]. Về hành vi phạm tội: Về lời khai tại phiên tòa hôm nay đối chiếu với lời khai của các bị cáo đã khai tại Cơ quan điều tra đều thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng và vật chứng đã thu được cùng tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Do có mục đích có tiền sử dụng và bán lại kiếm lời nên chiều ngày 19/8/2025 tại khu vực nghĩa trang Hà Dương, phố Hưng Phúc, phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa, Lê Văn H2 mua của một người không quen biết 01 gói ma túy đá với giá 3.000.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, H2 đã sử dụng một phần số ma túy đã mua, phần còn lại H2 đã bán lại cho T với giá 1.500.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, sáng ngày 21/8/2025, Bùi Ngọc T gọi điện thoại cho Nguyễn Thị Lan A đến nhà nghỉ Đại Lộc 1, đường Trần Thủ Độ, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa để sử dụng. Nguyễn Thị Lan A đã rủ Lê Đức H cùng với mình đến nhà nghỉ Đại Lộc 1 để cùng sử ma túy. Tại phòng 302, Nhà nghỉ Đại Lộc 1, Bùi Ngọc T, Lê Đức H lấy bộ dụng cụ đã chuẩn bị từ trước ra để T, H và Lan A cùng sử dụng. Sau khi sử dụng xong ma túy, Bùi Ngọc T cất 0,276 gam ma túy loại Methamphetamine để bản thân mình sử dụng và cho Nguyễn Thị Lan A 0,446 gam ma túy loại Methamphetamine để Lan A sử dụng. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, khi T và H đang ở trong phòng 302 thì Tổ công tác Công an phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa vào kiểm tra, phát hiện và thu giữ vật chứng liên quan đến vụ án.

Ngoài hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, Bùi Ngọc T còn có hành vi tàng trữ trái phép 0,276 gam ma túy của bản thân và 0,446 gam ma túy mà T cho Lan A để sử dụng. Tổng số số ma túy mà Bùi Ngọc T tàng trữ là 0,722g ma túy loại Methamphetamine; Nguyễn Thị Lan A tàng trữ trái phép 0,446 gam ma túy loại Methamphetamine.

Như vậy, hành vi của các bị cáo Bùi Ngọc T đã phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 255 của BLHS và tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 249 của BLHS; Nguyễn Thị Lan A đã phạm tội " Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 255 của BLHS và tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 249 của BLHS; Lê Đức H đã phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255

của BLHS; Lê Văn H2 đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của BLHS như cáo trạng và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, đúng pháp luật.

Đối với hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" của Lê Văn H2, quá trình điều tra xác định H2 không thuộc diện người đang trong thời hạn cai nghiện ma túy hoặc điều trị nghiện các chất ma túy bằng thuốc thay thế; không thuộc diện trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy và trong thời hạn 02 năm kể từ ngày hết thời hạn sau cai nghiện ma túy. Vì vậy, Lê Văn H2 không phạm tội "Sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại Điều 256a Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025. Cơ qaun điều tra ra Quyết định xử phtaj vi phạm hành chính đối với Lê Văn H2 về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 23 Nghị định 144/2021/NĐ-CP.

Đối với người đàn ông tên Lộc đã bán ma túy và nam thanh niên đưa ma túy cho H2, do H2 không biết nhân thân, lai lịch người này nên Cơ quan cảnh sát điều tra không có căn cứ xác minh xử lý.

[3]. Tính chất vụ án: Là vụ án có nhiều bị cáo tham gia, các bị cáo biết rõ ma túy có tác hại nhiều mặt đến đời sống, kinh tế cũng như quan hệ xã hội và ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn hóa, thuần phong mỹ tục của dân tộc, đặc biệt hành vi sử dụng ma túy còn là một trong những tác nhân làm lây truyền căn bệnh HIV/AIDS nhưng vẫn phạm tội.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy, mà còn tạo ra dư luận xấu trong nhân dân. Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, cần phải được xử lý nghiêm để giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4]. Vai trò, trách nhiệm hình sự của từng bị cáo trong vụ án: Các bị cáo không có sự phân công vai trò với nhau cũng vì mục đích nghiện chất ma túy mà dẫn đến phạm tội. Bùi Ngọc T là người khởi xướng việc sử dụng ma túy, tự bỏ tiền và chủ động tìm mua ma túy, rủ Lan A cùng tham gia, Lan A rủ H. T chuẩn bị dụng cụ sử dụng trực tiếp cho bản thân, và cho Lan A, H nên T xếp ở vai trò đầu. H chuẩn bị dụng cụ và đốt ma túy cho T, Lan A sử dụng nên giữ vai trò thứ hai sau T. Lan A sau khi được T rủ thì đã rủ thêm H cùng tham gia sử dụng ma túy, được T và H đốt ma túy cho sử dụng. H2 mua ma túy về bán lại cho T để lấy tiền sử dụng, tiếp tay cho hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo cần áp dụng Điều 38 của BLHS cách ly khỏi xã hội một thời gian để có điều kiện cải tạo sớm trở thành người lương thiện.

[5]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo T, Lan A, H2 không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo H ngày 24/7/2023 bị Tòa án nhân dân TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 15 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", chấp hành xong ngày 08/5/2024 chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm theo quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo có chung tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội đã đầu thú theo quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của BLHS.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Trong vụ án này các bị cáo mua ma túy về sử dụng, không có công việc thu nhập ổn định nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7]. Về vật chứng: Đối với chiếc điện thoại thu giữ của các bị cáo T, Lan A, H2 sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu nộp Ngân sách nhà nước. Đối với chiếc điện thoại thu giữ của bị cáo H không dùng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo. Đối với dụng cụ sử dụng ma túy và số ma túy còn lại sau giám định cần tịch thu tiêu hủy theo quy định. Truy thu từ bị cáo Hưng số tiền 1.000.000đ do phạm tội mà có; truy thu từ bị cáo Tuấn số tiền 500.000đ mua ma túy chưa chuyển cho Hưng để thu nộp ngân sách nhà nước.

[8]. Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: điểm b Khoản 2 Điều 255, điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của BLHS đối với bị cáo Bùi Ngọc Tuấn.

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Ngọc T phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" và tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"

Xử phạt: Bị cáo Bùi Ngọc T 09 (chín) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" và 04 (bốn) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 13 (mười ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/8/2025.

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 255, điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của BLHS đối với bị cáo Nguyễn Thị Lan Anh.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Lan A phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" và tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Lan A 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" và 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/8/2025.

- Căn cứ vào: điểm b Khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của BLHS đối với bị cáo Lê Đức Huy.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Đức H phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Xử phạt: Bị cáo Lê Đức H 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/8/2025.

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 của BLHS đối với bị cáo Lê Văn H2.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn H2 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn H2 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/8/2025.

- Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của BLHS; Điều 106; Điều 136 của BLTTHS: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Tecno K15n; số imei 354984264191682 gắn sim số 0985885190 thu giữ của Lê Văn H2; 01 điện thoại iphone 12 Pro Max màu trắng, số imei 353247432949600 thu giữ của Bùi Ngọc T; 01 điện thoại iphone 8, màu đen, số imei 354889090651678 thu giữ của Nguyễn Thị Lan A; Trả lại 01 điện thoại Oppo A31; số imei 1: 868788041227654; số imei 2:868788041227647 thu giữ của Lê Đức H.

Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định được bỏ vào phong bì đóng dấu niêm phong của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa và 01 chai nhựa màu trắng, có nắp màu trắng, trên nắp chai có 02 lỗ nhỏ, trong đó có 01 lỗ gắn 01 ống hút nhựa màu tím và lỗ còn lại gắn 01 ống thủy tinh màu trắng đầu ống có hình tròn; 01 ống hút nhựa màu tím; 05 chiếc bật lửa kích thước khoảng (6x1,5)cm được niêm phong trong một hộp bìa cát tông màu đỏ, đen, trắng. Bên ngoài vỏ hộp có hình vẽ và chữ nước ngoài không rõ nội dung có kích thước (2x9x12)cm, dán kín. Tại các mép có dán giấy niêm phong có chữ ký, chữ viết của các thành phần tham gia và các thành phần tham gia và các hình dấu của Công an phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa và 01 ống hút nhựa màu trắng.

Toàn bộ vật chứng hiện đang tạm giữ tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 -Thanh Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 61/2026/KV1 ngày 31/12/2025.

Truy thu từ bị cáo H2 số tiền 1.000.000đ do phạm tội mà có; truy thu từ bị cáo T số tiền 500.000đ mua ma túy chưa chuyển cho H2 để thu nộp ngân sách nhà nước.

- Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Bùi Ngọc T, Lê Đức H, Nguyễn Thị Lan A, Lê Văn H2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Quyết định bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 1- Thanh Hóa;
- Văn phòng CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ - Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Trần Thị Liên